TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 11/9/2019
V/v: *" Tranh chấp về quyền nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu
Các thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và bà Từ Thị Hải Dương
- Thư ký phiên tòa:Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLPT/HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, về việc: *"Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con***.**

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 19/2019/HNGD-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1406/2019/QĐ-PT ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990
Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện L, Quảng Bình. Có mặt;

2. Bị đơn: Anh Mai Văn T1, sinh năm 1990
Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện L, Quảng Bình. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Mai Văn T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Mai Văn T1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2014, quyển số 01/2012 ngày 11/02/2014 của UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh T1 tại Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do

tính tình vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau; anh T không quan tâm đến chị T, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống nhưng anh T1 cũng không quan tâm, hỏi han. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn T1.

Bị đơn anh Mai Văn T1 trình bày: Quá trình kết hôn đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn nhỏ, chị T bỏ lên nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh T1 thấy mâu thuẫn chưa có gì trầm trọng, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh T1 thống nhất trình bày, vợ chồng có 01 con chung Mai Văn Nhật H, sinh ngày 29/8/2014. Nếu ly hôn, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên hòa giải ngày 16/4/2019, anh T1 trình bày nếu giao con cho chị T nuôi, anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T1 trình bày nếu giao con cho chị T nuôi anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anhT1 thống nhất khai không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Mai Văn T1.

2. *Về con chung:*Xử giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Mai Văn Nhật H, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T vì chị T không yêu cầu cấp dưỡng do chị có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và khoản vay chung:* Không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2019, Anh Mai Văn T1kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ về phần con chung: Anh T1 đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Mai Văn Nhật H.

Tại phiên toà phúc thẩm: Anh T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của mình sửa bản án sơ thẩm giao cháu Mai Văn

Nhật H cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí toà án, để xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Văn T1, giữ y án sơ thẩm: Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Mai Văn Nhật H, sinh này 29/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Mai Văn T1 phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các vấn đề về quyền khởi kiện, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân và tài sản chung các bên đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

AnhMai Văn T1 kháng cáo về quan hệ con chung, đơn kháng cáo trong hạn luật định, nội dung, hình thức đúng quy định, vụ án được xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh Mai Văn T1 đề nghị được giao cháu Mai Văn Nhật H cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, thấy rằng: Anh T1 cho rằng chị T nuôi con không đảm bảo và không quan tâm đến con nên đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡngcon. Tuy nhiên, xét thấy khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị T bỏ về ở với bố mẹ của mình có đưa cháu H đi cùng, nhưng sau đó anh T1 đón cháu về ở với mình cùng gia đình bố mẹ anh T1, chị T vẫn đi lại thăm con, khi chị T đưa con về ở cùng với mình thì anh T1 ngăn cản không cho. Xét thấy hiện tại cháu H còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn. Về điều kiện nuôi con thì anh T và chị T đều đi làm, có thu nhập ổn định đủ để nuôi con. Tuy nhiên nghề nghiệp của anh T1 là phụ xe, giờ giấc làm việc không cố định, hay đi làm xa nhà; nghề nghiệp của chị T công tác tại bệnh viện tuyến huyện có nhiều thời gian, điều kiện chăm sóc cháu H hơn. Việc giao cháu H cho anh T1 nuôi là không hợp lý, do vậy, không đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh T1, giữ y án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh T1 không được chấp nhận nên anh T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án tuyênxử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Mai Văn T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2019/HNGĐ-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu Mai Văn Nhật H, sinh ngày 29/8/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản việc chăm sóc và giáo dục con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Mai Văn T1 phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Bá Lưu

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- TAND huyện Lệ Thuỷ;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thuỷ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.